TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ XUYÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67 /2023/HNGĐ-ST
Ngày 10/4/2023
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ánh và bà Lê Thị Phương Mai

Ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thu Uyên -Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên tham gia phiên toà*:* Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 10 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1990*;*

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1985;

Đều đăng ký hộ khâu thường trú và cư trú tại: Thôn T, xã P, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội.

Chị T có mặt; Anh N đã được triệu tập phiên toà hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 01/7/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Bùi Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn N từ năm 2008 là hôn nhân tự nguyện tiến bộ và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội. Sau khi tổ chức đám cưới, chị về chung sống với anh N và gia đình tại thôn T, xã p. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 08 năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N có tính ghen tuông, ham chơi, thường xuyên cờ bạc, không quan tâm chăm lo cho gia đình, để mặc chị lo toan mọi việc khiến chị chán nản, nhiều lần bỏ nhà ra đi… Mẫu thuẫn vợ chồng kéo dài và ngày

càng trở nên trầm trọng không thể chịu đựng được hơn nên đến đầu năm 2022, chị đã đưa các con về nhà ngoại ở và ly thân với anh N đến nay.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, thời gian ly thân đã lâu… nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Như Y, sinh ngày 09/01/2010; Nguyễn Yến Nh, sinh ngày 24/8/2011 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 20/6/2019. Cả ba hiện nay đều đang ở cùng chị. Ly hôn, nguyện vọng của chị là được nuôi cháu Nguyễn Minh K, để anh N nuôi các cháu Nguyễn Như Y và Nguyễn Yến Nh, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Tài sản chung: Vợ chồng có một số tài sản chung nhưng đề nghị được tự thoả thuận.

Công nợ chung: Vợ chồng không nợ nần ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn Nguyễn Văn N:

Quá trình tố tụng, anh N vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống bình thường tại địa phương. Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho anh N theo quy định của pháp luật, tuy nhiên anh N vẫn cố tình không đến Tòa làm việc.

Theo ông Nguyễn Văn T là bố đẻ anh N cung cấp thì:

Quá trình chung sống, vợ chồng anh N chị T có nhiều bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn trầm trọng khiến chị T chuyển về nhà ngoại từ đầu năm 2022 đến nay. Bản thân anh N muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng nếu chị T cương quyết ly hôn thì anh N cũng không phản đối;

Vợ chồng anh N, chị T có 03 con chung như chị T trình bày và hiện nay đều đang ở cùng chị T. Nếu ly hôn, phía anh N và gia đình cũng đồng thuận để chị T nuôi dưỡng cả 03 con chung, trường hợp chị T không nuôi được cháu nào thì gia đình ông sẽ nhận nuôi cháu đó và không cần chị T phải góp phí tổn nuôi con.

Ông T xác nhận tại thời điểm giải quyết việc ly hôn, vợ chồng chị T anh N không có tài sản chung; về công nợ chung ông không nắm được.

UBND xã P nơi cư trú của đương sự có quan điểm:

Tại thời điểm giải quyết vụ án, phía anh N vẫn đang cư trú, sinh sống bình thường tại địa phương; Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh N, chị T đã phát sinh từ lâu và ngày càng trầm trọng, thời gian sống ly thân đã lâu, khó có cơ hội hàn gắn; Hạnh phúc gia đình là mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân tồn tại chỉ còn là hình thức... Vì vậy, đề nghị Toà án căn cứ quy định pháp luật giải quyết cho anh N, chị T được ly hôn nhau để giải phóng cho cả hai.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như các bên đã trình bày và hiện đều đang ở với chị T. Để ổn định nơi ăn chốn ở cũng như tâm sinh lý của các con, nếu phải ly hôn, đề nghị Toà án giao chị T được nuôi cả 03 con chung là hợp lẽ. Do chị T không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị

tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn cho anh N đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Tài sản chung và công nợ của vợ chồng anh N, chị T: UBND xã không nắm rõ song trong suốt thời gian chung sống, địa phương không thấy có tranh chấp gì về công nợ, tài sản liên quan đến vợ chồng anh N, chị T.

Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:

- Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Các đương sự đã được tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T; giao cho chị T trực tiếp chăm sóc giáo dục con chung Nguyễn Minh K, để anh N nuôi các con chung còn lại, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; Về tài sản chung và công nợ chung nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án về "Tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do nơi cư trú của bị đơn thuộc xã P, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội nên việc Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu của các bên:

Chị Bùi Thị T kết hôn với anh Nguyễn Văn N từ năm 2008, là hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Do mâu thuẫn trầm trọng, chị T đã nhiều lần bỏ đi, lần cuối là vào đầu năm 2022 và sống ly thân với anh N cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh Ngọc đều cố tình vắng mặt không có lý do. Việc anh N không đến Toà làm việc một mặt thể hiện ý thức không chấp hành pháp luật, mặt khác cũng chứng tỏ phía anh N có thái độ bỏ mặc cho hậu quả xảy ra, đi ngược với mong muốn đoàn tụ vợ chồng.

Xét mâu thuẫn giữa chị T và anh N đã đến mức trầm trọng, cả hai phía đều có chung nhận thức tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân là hạnh phúc gia đình không đạt được, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức…nên Hội đồng xét xử căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Như Y, sinh ngày 09/01/2010, cháu Nguyễn Yến Nh, sinh ngày 24/8/2011 và cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 20/6/2019.

Xét thấy: Chị T có nguyện vọng xin được nuôi con chung là Nguyễn Minh K và phía gia đình anh N cũng đã đồng thuận; Bản thân cháu Nguyễn Minh K còn quá nhỏ, cần có sự chăm sóc nuôi dưỡng của người mẹ; Nếu giao cho chị T phải nuôi dưỡng cả ba con nhỏ theo đề nghị của UBND xã sẽ là quá sức... Vì vậy, để ổn định sự phát triển của con chung phù hợp với khả năng kinh tế của chị T, cũng như nguyện vọng của gia đình anh N, nên giao con chung Nguyễn Minh K cho chị Thủy trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao anh Ngọc trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung còn lại là phù hợp; Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[4].Về tài sản chung, công nợ chung: Các bên thừa nhận vợ chồng không có tài sản và công nợ chung và không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét.

[5]. Về án phí và quyền kháng cáo*:*

Chị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị T, anh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên:

1. Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao chị Bùi Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Minh K sinh ngày 20/6/2019; Giao anh Nguyễn Văn N được nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là Nguyễn Như Y sinh ngày 09/01/2010, Nguyễn Yến Nh sinh ngày 24/8/2011; Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; Anh N, chị T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được phép ngăn cản.

3. Về tài sản, công nợ chung: Các bên không yêu cầu giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm; được khấu trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp

tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2020/0048085 ngày 16/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên. Chị T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Bùi Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTP Hà Nội
- VKSND huyện Phú Xuyên
- Chi cục THA huyện Phú Xuyên
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phùng Văn Phong